

Quyền của người khuyết tật nhìn từ góc độ lịch sử, văn hóa, pháp lý và thực tiễn

Phan Thanh Minh

Khoa Luật

Luận văn Thạc sĩ ngành: Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật

Mã số: 60 38 01

Người hướng dẫn: GS.TS Hoàng Thị Kim Quế

Năm bảo vệ: 2011

Abstract: Phân tích những luận cứ khoa học về quyền của người khuyết tật nhìn từ góc độ lịch sử, văn hóa, pháp lý và thực tiễn. Đánh giá đúng đắn, toàn diện về quyền của người khuyết tật từ góc độ lịch sử, văn hóa, pháp lý và việc thực thi quyền của người khuyết tật, thuận lợi và khó khăn. Đưa ra các khuyến nghị để bảo vệ, bảo đảm và thúc đẩy việc thực hiện quyền của người khuyết tật trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam.

Keywords: Pháp luật Việt Nam; Người khuyết tật; Quyền công dân; Lịch sử pháp luật

Content

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tại một buổi Hội thảo chuyên đề về người khuyết tật được tổ chức cách đây không lâu tại Hà Nội, một đại biểu đã chia sẻ: cuộc sống chúng ta từ lúc sinh ra cho đến khi nhắm mắt xuôi tay không thể nói trước được điều gì sẽ xảy ra, bất kỳ ai cũng có thể trở thành người khuyết tật...

Theo số liệu của Liên hợp quốc (UN), hiện nay trên toàn cầu có hơn 600 triệu người khuyết tật và cuộc sống hằng ngày của 25% dân số toàn cầu có liên quan với người khuyết tật ở mặt này hay mặt khác. Hiện nay cả nước có khoảng 5,3 triệu người khuyết tật chiếm 6,34% dân số (theo số liệu của Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội) trong đó có gần 1,5 triệu người khuyết tật nặng, thường xuyên cần được xã hội giúp đỡ. Còn theo ước tính của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) người khuyết tật Việt Nam chiếm khoảng 10% dân số.

Thật vậy, ở bất kỳ đâu, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, trong bất kỳ thời đại nào người khuyết tật vẫn luôn chiếm tỷ lệ không nhỏ trong tổng dân số của một quốc gia. Các báo cáo nghiên cứu đã đưa ra các con số rất khác nhau và đa dạng về tỷ lệ khuyết tật. Theo Wikipedia.com, thống kê không đầy đủ chỉ ra rằng có khoảng 10% người khuyết tật tương đương với 650 triệu người (khảo sát năm 2007). Ở Việt Nam các báo cáo thay đổi từ 5% đến 15%

Đất nước ngày càng phát triển, nhu cầu của con người ngày càng cao. Nếu trước đây con người chỉ cần "ăn no, mặc ấm" thì nay phải "ăn ngon, mặc đẹp". Song song đó là vấn đề quyền con người luôn được đặt vào vị trí trọng tâm, là vấn đề nóng trên các bàn nghị sự và cũng là một trong những tiêu chí cho sự phát triển của mỗi quốc gia.

"Người khuyết tật" là những người nằm trong nhóm những người yếu thế của xã hội. Chính vì thế, họ là những đối tượng luôn dành được sự quan tâm của tất cả các quốc gia, dân tộc đặc biệt trên bình diện quyền. Cùng với quyền con người, vấn đề quyền của người khuyết tật cũng đang thu hút sự chú ý của các chuyên gia nghiên cứu nói riêng và toàn xã hội nói chung, nhằm nâng cao hơn nữa vị thế của người khuyết tật trong xã hội, tạo cho họ cuộc sống tốt hơn - bình thường như bao con người bình thường trong xã hội - đồng thời xây dựng cơ chế phòng ngừa khuyết tật và hỗ trợ tích cực để thực thi các quyền của người khuyết tật.

Từ tình hình trên tôi lựa chọn "***Quyền của người khuyết tật nhìn từ góc độ lịch sử, văn hóa, pháp lý và thực tiễn***" làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình, với mong muốn góp phần vào việc hoàn thiện hơn những vấn đề về quyền của người khuyết tật ở nước ta.

2. Tình hình nghiên cứu

Nghiên cứu về quyền của người khuyết tật là một đề tài khá mới mẻ trên cả bình diện lý thuyết và thực tiễn. Đã có một số công trình khoa học liên quan đến vấn đề này, cụ thể:

- Đề tài "*Các biện pháp tổ chức giáo dục hòa nhập giúp trẻ em khuyết tật thành thạo vào lớp 1*", Luận án Tiến sĩ giáo dục học, của Nguyễn Thị Hoàng Yến.
- Đề tài "*Hoàn thiện pháp luật về quyền của người khuyết tật ở Việt Nam hiện nay*", Luận án Tiến sĩ Luật học của Nguyễn Thị Bảo, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia.
- *Báo cáo kết quả thực hiện Pháp lệnh về người tàn tật và đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2006 - 2010*, của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội năm 2008.
- *Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các chính sách trợ giúp phụ nữ khuyết tật năm 2008*, của Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.
- *Báo cáo thực hiện các chính sách trợ giúp người khuyết tật trong dạy nghề, học nghề năm 2008*, của Cục Việc làm - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
- Báo cáo thực hiện các chính sách về việc làm cho người khuyết tật- nhìn từ góc độ luật pháp. Tham luận khoa học của Cục việc làm - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2008 tại Hội thảo về chính sách việc làm đối với người khuyết tật.
- Tổng kết tình hình thực hiện quyết định của Thủ tướng năm 2005 về thực hiện hỗ trợ người khuyết tật giai đoạn 2005 - 2010 do Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội xây dựng năm 2009.

Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu đó chưa làm rõ quyền của người khuyết tật nhìn từ góc độ lịch sử, văn hóa, pháp lý và thực tiễn. Hầu hết các công trình đều chủ yếu tiếp cận từ góc độ pháp luật mà chưa có cái nhìn tổng thể về quyền của người khuyết tật trên tất cả các khía cạnh. Do vậy, có thể nói rằng đề tài "***Quyền của người khuyết tật nhìn từ góc độ lịch sử, văn hóa, pháp lý và thực tiễn***" là công trình nghiên cứu một cách có hệ thống, tương đối toàn diện về quyền của người khuyết tật.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

3.1. Mục đích

Mục đích của luận văn là trên cơ sở những vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật, nghiên cứu và đánh giá vấn đề quyền của người khuyết tật nhìn từ góc độ lịch sử, văn hóa, pháp lý và thực tiễn, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp khả thi nhằm bảo vệ và bảo đảm các quyền của người khuyết tật.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

Để đạt được mục đích nêu trên, đề tài có các nhiệm vụ sau đây:

- Phân tích những luận cứ khoa học về quyền của người khuyết tật nhìn từ góc độ lịch sử, văn hóa, pháp lý và thực tiễn.

- Đánh giá đúng đắn, toàn diện về quyền của người khuyết tật từ góc độ lịch sử, văn hóa, pháp lý và việc thực thi quyền của người khuyết tật, thuận lợi và khó khăn;
- Đưa ra các khuyến nghị để bảo vệ, bảo đảm và thúc đẩy việc thực hiện quyền của người khuyết tật trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam.

4. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

Quyền của người khuyết tật là một vấn đề tương đối rộng, do vậy trong phạm vi luận văn thạc sĩ, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu về "*quyền của người khuyết tật nhìn từ góc độ lịch sử, văn hóa, pháp lý và thực tiễn*" và đi sâu vào phân tích khía cạnh pháp lý và thực tiễn về quyền của người khuyết tật.

5. Đóng góp khoa học của đề tài

Luận văn là một trong những công trình đầu tiên ở trong nước nghiên cứu có hệ thống về quyền của người khuyết tật và có những đóng góp mới sau đây:

- Làm sáng tỏ một số vấn đề chung về quyền của người khuyết tật.
- Đánh giá có hệ thống và khái quát thực trạng pháp luật và thực thi pháp luật về quyền của người khuyết tật.
- Đề xuất những quan điểm và giải pháp cơ bản góp phần bảo vệ, bảo đảm và thực hiện quyền của người khuyết tật ở Việt Nam.

6. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu dựa trên phương pháp luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về nhà nước và pháp luật. Đề tài được thực hiện bởi các phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp để xử lý tài liệu thu thập, so sánh và minh họa bằng biểu đồ, sơ đồ, tham khảo tài liệu trong và ngoài nước.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: một số vấn đề chung về quyền của người khuyết tật.

Chương 2: thực trạng pháp luật và thực thi pháp luật về quyền của người khuyết tật.

Chương 3: đề xuất một số giải pháp tăng cường bảo vệ và bảo đảm quyền của người khuyết tật.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT

1.1. Quan điểm, chủ trương, chính sách về quyền của người khuyết tật

1.1.1. Đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về quyền của người khuyết tật

Đại hội Đảng lần thứ VI, Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (6/1991), Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) Hiến pháp các năm 1946, 1959, 1980, 1992 đều khẳng định người khuyết tật là công dân, thành viên của xã hội, có quyền lợi và nghĩa vụ của một công dân, được chung hưởng thành quả xã hội. Hiến pháp năm 1992 được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10, ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa 10, kỳ họp thứ 10 quy định: "Người già, người tàn tật, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa được Nhà nước và xã hội giúp đỡ"; "Nhà nước và xã hội tạo điều kiện cho trẻ em khuyết tật được học văn hóa và học nghề phù hợp".

Ngày 09 tháng 01 năm 2006 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 01/2006/CT-TTg về việc đẩy mạnh thực hiện các chính sách trợ giúp người tàn tật. Ngày 24/10/2006 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 239/2006/QĐ-TTg về phê duyệt Đề án trợ giúp người tàn tật giai đoạn 2006-2010.

Tại kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2010, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII đã thông qua Luật người khuyết tật, góp phần hoàn thiện hơn nữa hệ thống chính sách dành cho người khuyết tật.

Trong những năm qua, chính sách của Đảng và Nhà nước về người khuyết tật được thể chế hóa trong các quy phạm pháp luật để bảo đảm các quyền của người khuyết tật. Tuy nhiên theo đánh giá về tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về người khuyết tật còn có nhiều tồn tại nhất định.

1.1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ, giúp đỡ người khuyết tật

Trong các giá trị truyền thống Việt Nam, tinh thần nhân nghĩa, truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái là những nét hết sức đặc sắc. Ngay từ năm 1947, tiếp thu tư tưởng vị tha ở Phật giáo, Hồ Chí Minh đã nhận thức được vấn đề bảo vệ quyền và lợi ích của người khuyết tật.

Hồ Chí Minh thường phê phán, châm biếm thói đời nịnh hót người trên, xem khinh người dưới. Còn chính Người rất yêu thương con người, mà tình thương yêu sâu sắc nhất lại là dành cho những người bị áp bức, đau khổ nhất trong xã hội trong đó có người khuyết tật.

Tình thương yêu con người của Hồ Chí Minh không chỉ thấm đậm trong các chủ trương chính sách phát triển kinh tế văn hóa xã hội của Người khi đứng đầu Đảng, Nhà nước ta, mà còn thấm sâu trong phong cách làm việc và lối sống hàng ngày của Người.

1.1.1. Bảo vệ, bảo đảm quyền lợi của người khuyết tật trong Bộ luật Hồng Đức

Vấn đề bảo vệ, bảo đảm quyền lợi của người khuyết tật trong Bộ luật Hồng Đức thể hiện ở các qui định phản ánh chính sách hình sự khoan hồng đối với người phạm tội là người tàn tật.

Những nguyên tắc cơ bản và tư tưởng về bảo vệ, bảo đảm quyền của người khuyết tật trong Bộ luật Hồng Đức không chỉ đề cao tính giai cấp mà còn thể hiện tính nhân đạo vốn là nét đẹp truyền thống của người Việt Nam. Chính bởi vậy, nhiều nguyên tắc tiến bộ trong Bộ luật này đã tiếp tục được kế thừa và phát huy trong luật hình sự Việt Nam hiện đại.

1.2. Những quan điểm cơ bản trong tư tưởng văn hóa về quyền của người khuyết tật

Một trong những hệ tư tưởng về người khuyết tật có sức ảnh hưởng lớn từ thời kỳ phong kiến đến xã hội hiện đại ở Phương Đông là quan niệm của Phật giáo. Phật giáo nói chung cho rằng người khuyết tật khó tiếp thu giáo lý hơn bình thường. Bên cạnh hệ tư tưởng Phật giáo, hệ tư tưởng của Công giáo về người khuyết tật cũng có sức lan tỏa và ảnh hưởng lớn trong xã hội từ phong kiến đến hiện đại, đặc biệt là ở Phương Tây. Công giáo cũng có cách nhìn tương đối thân thiện về người khuyết tật. Theo quan niệm của Công giáo thì Thiên Chúa là Đấng hoàn hảo. Thiên Chúa không tạo ra sự khuyết tật. Khuyết tật là điểm tiêu cực của lành lặn. Trong quan niệm Công giáo Thiên Chúa không làm ra cái chết, dối trá, bóng tối... nghĩa là tất cả những gì tiêu cực.

Bên cạnh hệ tư tưởng tiến bộ nêu trên thì trong lịch sử văn hóa nhân loại cũng xuất hiện những tư tưởng kỳ thị người khuyết tật. Đặc biệt phải kể đến trong số đó là tư tưởng phát xít. Theo đó thì họ cho rằng việc để những người khuyết tật sống và sinh con làm cản trở tốc độ của quá trình tiến bộ, tiếp tục duy trì sự yếu kém của chủng tộc, hay nói cách khác tiêu diệt người

khuyết tật sẽ giúp loài người mau đạt được cuộc sống sung túc hơn. Hiện nay, hệ tư tưởng phát xít không còn tồn tại nhưng vẫn còn sự kỳ thị đối với người khuyết tật.

Còn ở Việt Nam hiện nay, tư tưởng chủ đạo về quyền của người khuyết tật thể hiện ở chính sách của Nhà nước đối với người khuyết tật.

1.3. Tổng quan hệ thống pháp luật về người khuyết tật

1.3.1. Khái niệm người khuyết tật

Theo Tuyên ngôn về quyền của người tàn tật do Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 09/12/1975: Người tàn tật có nghĩa là bất kỳ người nào mà không có khả năng đảm bảo cho bản thân, toàn bộ hay từng phần những sự cần thiết của một cá nhân bình thường hay của cuộc sống xã hội do sự thiếu hụt (bẩm sinh hay không bẩm sinh) trong những khả năng về thể chất hay tâm thần của họ.

Công ước quốc tế về các quyền của người khuyết tật định nghĩa: *Người khuyết tật bao gồm những người có những khiếm khuyết lâu dài về thể chất, trí tuệ, thần kinh hoặc giác quan mà khi tương tác với các rào cản khác nhau có thể cản trở sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của họ trong xã hội trên một nền tảng công bằng như những người khác trong xã hội.*

Theo Luật Người Khuyết tật Việt Nam 2010, "*Người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập khó khăn*" (Khoản 1, Điều 2).

1.3.2. Ảnh hưởng của khuyết tật đối với hoạt động của con người

Ở Việt Nam, theo Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, trình độ học vấn của người khuyết tật ở Việt Nam rất thấp. Nhìn chung, chỉ có khoảng 3% người khuyết tật được đào tạo nghề chuyên môn, và chỉ hơn 4% người có việc làm ổn định. Hiện có hơn 40% người khuyết tật sống dưới chuẩn nghèo.

1.3.3. Vai trò của pháp luật trong việc bảo đảm các quyền của người khuyết tật

1.3.3.1. Pháp luật về người khuyết tật sẽ góp phần vào việc xóa bỏ mọi hình thức phân biệt và kỳ thị với người khuyết tật

Trong những năm vừa qua, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật về người khuyết tật để nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của xã hội đối với người khuyết tật đã góp phần nâng cao nhận thức, cách nhìn nhận của xã hội đối với người khuyết tật.

1.3.3.2. Pháp luật về người khuyết tật góp phần thay đổi cách nhìn nhận của xã hội đối với người khuyết tật và gia đình họ:

Các quy định pháp luật về người khuyết tật sẽ tác động tới các cộng đồng, cơ sở vật chất nơi công cộng, tới tất cả các nhánh lập pháp, hành pháp và tư pháp của chính phủ, cũng như các dịch vụ y tế và xã hội.

1.3.3.3. Pháp luật về người khuyết tật góp phần vào việc làm rõ những đặc thù riêng về người khuyết tật ở nước ta

Pháp luật về người khuyết tật quy định cụ thể các quyền của người khuyết tật, trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc thực thi các quyền của người khuyết tật.

Ở Việt Nam, hiện nay nhiều dị khuyết tật bẩm sinh được cho là do cha mẹ tiếp xúc với chất hóa học, đặc biệt là chất độc da cam.

1.3.4. Pháp luật quốc tế về bảo vệ quyền của người khuyết tật

1.3.4.1. Tổng quan pháp luật quốc tế về bảo vệ quyền của người khuyết tật

Cho đến nay, xung quanh vấn đề về quyền của người khuyết tật, Đại Hội đồng Liên hợp quốc thông qua một số văn kiện như: *Tuyên ngôn về quyền của người khuyết tật về tâm thần; Tuyên ngôn về quyền của người khuyết tật;*... Tuy nhiên, ngoài Công ước 128 và Công ước số 159, các văn kiện còn lại không có giá trị ràng buộc về mặt pháp lý đối với các quốc gia, mà

chỉ dừng ở ý nghĩa đạo đức. Mặt khác, bộ luật nhân quyền bao gồm Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền và Công ước quốc tế về quyền dân sự, chính trị; Công ước quốc tế về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa cũng chưa có quy định cụ thể về quyền của người khuyết tật. Vì lẽ đó, việc xây dựng một công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật là đòi hỏi tất yếu khách quan, là tiếng gọi từ lương tri của nhân loại.

1.3.4.2. Nội dung cơ bản của Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật

Các quyền cụ thể được quy định trong các điều, từ Điều 9 đến Điều 30, đó là: Quyền tiếp cận; Quyền được sống; Quyền được bảo vệ trong những tình huống rủi ro và thảm họa nhân đạo v.v..

Các quy định về cơ chế giám sát, thủ tục, các điều khoản thi hành, thực hiện Công ước là những nội dung được thể hiện rõ từ Điều 31 đến Điều 50.

1.3.4.3. Ý nghĩa sự ra đời của Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật

Sự ra đời của Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật đánh dấu một mốc son trong lịch sử nhân quyền của nhân loại. Công ước đưa ra các quy định ngăn cấm sự can thiệp tùy tiện, trái pháp luật vào đời sống riêng tư, gia đình của người khuyết tật; xóa bỏ những rào cản ngăn trở người khuyết tật tiếp cận, hưởng thụ quyền và hòa nhập cộng đồng. Người khuyết tật sẽ được quan tâm chăm sóc sức khỏe; được hưởng thụ quyền giáo dục..và tham gia bình đẳng vào đời sống chính trị - xã hội.

1.4. Điều chỉnh pháp luật về người khuyết tật và Quyền của người khuyết tật

1.4.1. Điều chỉnh pháp luật về người khuyết tật

Điều chỉnh pháp luật về người khuyết tật là quá trình thực hiện sự tác động của pháp luật lên các quan hệ xã hội liên quan đến người khuyết tật. Các quan hệ xã hội liên quan đến người khuyết tật ở Việt Nam từ phong kiến đến đương đại đều được sự điều chỉnh bởi các quy phạm pháp luật thông qua 4 giai đoạn. Thời phong kiến Việt Nam; Thời kỳ trước cách mạng tháng 8 năm 1945; Sau cách mạng tháng 8 năm 1945; ngày nay, nước ta đã có một hệ thống cơ chế chính sách và pháp luật về người khuyết tật nhằm đảm bảo người khuyết tật được trợ giúp và hòa nhập cộng đồng.

1.4.2. Quyền cơ bản của người khuyết tật

Theo quy định của Công ước về quyền của người khuyết tật thì người khuyết tật có 8 quyền chung và 10 quyền đặc thù về lĩnh vực khuyết tật.

Theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành, người khuyết tật được đảm bảo những quyền cơ bản gồm: Quyền tham gia bình đẳng vào các hoạt động xã hội...và các quyền khác theo quy định của pháp luật. Các quyền nêu trên được khẳng định tại Điều 4 của Luật Người khuyết tật.

Ngoài ra, một số quyền đặc thù như chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, học văn hóa...lại được quy định cụ thể tại các điều khác trong Luật người khuyết tật và các văn bản hướng dẫn thi hành luật người khuyết tật. Gồm:

1.4.2.1. Quyền chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng: được quy định tại Chương III luật người khuyết tật, gồm 6 điều, từ Điều 21 đến Điều 26.

1.4.2.2. Quyền về giáo dục: được quy định tại Chương IV Luật người khuyết tật gồm 4 điều, từ Điều 27 đến Điều 31.

1.4.2.3. Quyền về dạy nghề và việc làm: được quy định tại Chương V Luật người khuyết tật gồm 4 điều, Điều 32 và Điều 35.

1.4.2.4. Quyền về văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí và du lịch: được quy định tại chương VI của Luật người khuyết tật gồm 3 điều, từ Điều 36 đến Điều 38.

1.4.2.5. Quyền tiếp cận xây dựng, công trình công cộng, phương tiện giao thông, thông tin và truyền thông: được quy định tại chương VII của Luật người khuyết tật gồm 5 điều, từ Điều 39 đến Điều 43.

1.4.2.6. *Quyền được bảo trợ xã hội: được quy định tại chương VIII của Luật người khuyết tật gồm 5 điều, Điều 44 và Điều 48.*

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT

2.1. Thực trạng pháp luật về quyền của người khuyết tật

2.1.1. *Pháp luật quốc tế về quyền của người khuyết tật*

2.1.1.1. *Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật*

Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật đã khẳng định tất cả quyền con người, tự do cơ bản và nhu cầu của người khuyết tật sẽ được bảo đảm sự hưởng thụ đầy đủ của họ mà không bị phân biệt đối xử. Công ước này cũng đã nhắc lại những công nhận trước đây của cộng đồng quốc tế về vấn đề khuyết tật và người khuyết tật. Tuy vậy, Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật cũng có thái độ quan ngại về một số vấn đề.

2.1.1.2. *Chương trình hành động ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương*

Chương trình này nhấn mạnh sự chuyển đổi từ phương pháp dựa trên sự từ thiện sang phương pháp dựa trên quyền vì sự phát triển của người khuyết tật. Khuôn khổ cũng thúc đẩy một xã hội hòa nhập, không rào cản và dựa trên quyền, có bao hàm tính đa dạng của nhân loại. Hơn nữa, Khuôn khổ cũng cho phép và thúc đẩy sự đóng góp về kinh tế-xã hội của các thành viên và đảm bảo công nhận các quyền của người khuyết tật. Khuôn khổ chương trình Hành động Thiên niên kỷ BIWAKO xác định 7 lĩnh vực ưu tiên và 5 phạm vi chiến lược chủ chốt với 21 mục tiêu và 17 chiến lược.

2.1.1.3. *Đối với các quốc gia trên thế giới*

Hầu hết các quốc gia trên thế giới đều có chính sách và pháp luật về người khuyết tật. Các nước đang phát triển cũng có Luật pháp, chính sách về người khuyết tật, song do điều kiện kinh tế xã hội còn khó khăn, do vậy hệ thống Luật pháp, chính sách cụ thể vẫn còn nhiều điểm hạn chế, trong đó có nước ta.

2.1.2. *Pháp luật Việt Nam về quyền của người khuyết tật*

2.1.2.1. *Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn*

Nhìn chung, hệ thống văn bản pháp quy về trợ giúp người tàn tật do các cơ quan từ trung ương đến địa phương ban hành tương đối đầy đủ. Điều này đã tạo môi trường pháp lý thuận lợi để người khuyết tật hòa nhập cộng đồng và các cơ quan, tổ chức triển khai thực hiện tốt các chính sách, chế độ giải pháp trợ giúp người khuyết tật.

Tuy nhiên, do quy định ở quá nhiều văn bản nên đã dẫn đến khó khăn trong triển khai thực hiện ở cả trung ương và địa phương. Đồng thời tính thống nhất trong trong các văn bản luật chưa cao do có sự khác nhau về thời gian ban hành, các lĩnh vực điều chỉnh; phần lớn các luật mới chỉ quy định chung chung về nguyên tắc hoặc nguyên tắc, chưa quy định chính sách, giải pháp, biện pháp, nguồn lực, tổ chức thực hiện đã dẫn đến cần có văn bản hướng dẫn dưới luật. Vì vậy có những quy định sau nhiều năm ban hành vẫn không thực hiện được.

2.1.2.2. *Công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức*

Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, đạo tạo tập huấn đã tác động tích cực đến việc triển khai thực hiện chính sách, chế độ ở địa phương. Tuy nhiên, cũng vẫn cần phải đẩy mạnh hơn nữa và quan tâm hơn nữa để chất lượng cũng như phương thức tổ chức tuyên truyền.

2.2. Thực thi pháp luật về quyền của người khuyết tật ở Việt Nam

2.2.1. *Tình hình thực tế về người khuyết tật*

Theo số liệu của Liên Hợp Quốc, hiện nay trên toàn cầu có hơn 600 triệu người khuyết tật và cuộc sống hằng ngày của 25% dân số toàn cầu có liên quan với người khuyết tật ở mặt này hay mặt khác.

Ở Việt Nam, theo số liệu khảo sát năm 2005, cả nước có khoảng 5,3 triệu người khuyết tật, chiếm khoảng 6,34% dân số, trong đó có 1,1 triệu người khuyết tật nặng, chiếm 21,5% tổng số người khuyết tật.

Đời sống vật chất, tinh thần của người khuyết tật còn nhiều khó khăn. Những khó khăn này cản trở người khuyết tật tiếp cận dịch vụ y tế, giáo dục... dẫn đến khó khăn trong cuộc sống và hòa nhập với cộng đồng.

2.2.2. Đánh giá việc thực thi pháp luật về quyền của người khuyết tật

2.2.2.1. Chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ nuôi dưỡng

a) Trợ cấp xã hội và nuôi dưỡng

Nhà nước ta đã có nhiều chính sách ưu đãi đối với người khuyết tật là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, quân nhân bị tai nạn lao động,...

Chính phủ cũng tạo cơ chế thông thoáng cho các địa phương trong việc quyết định mức trợ cấp xã hội cụ thể cho từng nhóm đối tượng cho phù hợp với điều kiện kinh tế- xã hội ở từng địa phương trên nguyên tắc không được thấp hơn mức trợ cấp tối thiểu do nhà nước quy định cho từng nhóm đối tượng xã hội và tự bảo đảm cân đối về tài chính.

b) Chăm sóc sức khỏe, y tế và phục hồi chức năng

Nhìn chung chính sách hỗ trợ về y tế được thực hiện khá đồng đều giữa các địa phương, giữa nông thôn và thành thị, giữa các hộ gia đình do nam làm chủ hay hộ do nữ làm chủ cũng như giữa các hộ người Kinh và hộ dân tộc thiểu số.

Tuy nhiên công tác chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng chủ yếu mang tính chất thụ động.

2.2.2.2. Học văn hóa đối với người khuyết tật

Công tác đào tạo nguồn lực cho giáo dục khuyết tật ngày càng có qui mô. Ngoài việc triển khai thực hiện các chính sách đối với trẻ khuyết tật ra công tác nghiên cứu khoa học về giáo dục trẻ khuyết tật ngày càng có chiều sâu và tập trung nghiên cứu mô hình phát hiện, hỗ trợ cho trẻ khiếm thính, khiếm thị, khó khăn về học.

2.2.2.3. Học nghề và tạo việc làm của người khuyết tật

a) Học nghề của người khuyết tật

Kể từ khi có pháp lệnh đến nay, số lượng người khuyết được học nghề mỗi năm hàng chục nghìn người. Trong những năm qua đã dành hàng trăm tỷ đồng kinh phí từ Chương trình mục tiêu Quốc gia về giáo dục và đào tạo để đầu tư xây dựng cơ sở, hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho người khuyết tật.

b) Việc làm của người khuyết tật

Hàng năm Nhà nước phân bổ một phần kinh phí từ Quỹ Quốc gia về việc làm cho người tàn tật góp phần tích cực đến giải quyết việc làm nói chung và cho người tàn tật nói riêng.

Tuy Nhà nước đã đề ra những chính sách cụ thể nhưng vẫn có những doanh nghiệp thường viện lí do gây khó khăn cho quyền được lao động, làm việc của những người khuyết tật, tàn tật. Nhà nước, chính quyền địa phương, chưa có những chính sách khuyến khích, hỗ trợ thảo đáng đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp tiếp nhận người khuyết tật vào làm việc.

Một số quy định về việc sử dụng các nguồn lực hỗ trợ cho việc dạy nghề tạo việc làm đối với người khuyết tật chưa hợp lý, gây khó khăn cho việc giải ngân các nguồn vốn huy động được.

2.2.2.4. Hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao và sử dụng các công trình công cộng.

a) Hoạt động văn hóa thể dục, thể thao của người khuyết tật

Các hoạt động thể dục thể thao cho người khuyết tật ngày càng được quan tâm, nhiều cuộc thi đấu thể thao được tổ chức để người khuyết tật được tham gia hoạt động. Tuy nhiên, các phong trào văn hóa thể dục, thể thao giành cho người khuyết tật mới chỉ phát triển bước đầu tại 1 số đô thị lớn nơi có mức sống cao. Còn ở nông thôn thì đời sống văn hóa tinh thần của người khuyết tật hầu như bị bỏ mặc. Việc người khuyết tật tham gia vào các hoạt động thể thao văn hóa của phường là hoàn toàn không có, có thể là do tâm lý e ngại của chính những người khuyết tật.

b) Sử dụng các công trình công cộng

Bộ Xây dựng đã ban hành và triển khai thực hiện bộ quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng công trình công cộng đảm bảo cho người khuyết tật tiếp cận, chỉ đạo các chủ đầu tư công trình triển khai cải tạo thí điểm 6 công trình công cộng tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh và xây dựng mới một số công trình theo bộ quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng tạo điều kiện thuận lợi cho người tàn tật.

Bộ Giao thông vận tải đã chỉ đạo ngành hàng không dân dụng, ngành đường sắt tiến hành giảm giá vé cho người tàn tật khi tham gia giao thông. Từ tháng 5 năm 2006, Thành phố Hồ Chí Minh miễn vé xe buýt cho người tàn tật khi tham gia giao thông.

Mặc dù vậy nhưng thực tế là những công trình công cộng lại là những nơi mà người khuyết tật khó có cơ hội để tiếp cận, hay những nơi như vỉa hè, đường đi dành cho người mù... chưa được chú ý đến.

2.2.2.5. Các hoạt động khác

Nhiều hoạt động đã được tổ chức để giúp đỡ người tàn tật hòa nhập với xã hội đã được tổ chức với đông đảo người khuyết tật tham dự. Các tổ chức của người tàn tật và vì người tàn tật được thành lập như Tổ chức diễn đàn của người tàn tật, nhóm vì tương lai tươi sáng...

Đặc biệt, tháng 10 năm 2010, Hội Liên hiệp về người khuyết tật Việt Nam đã được thành lập.

2.3. Kinh nghiệm quốc tế về quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật, chính sách trợ giúp người khuyết tật

2.3.1. Kinh nghiệm từ Công ước về quyền của người khuyết tật

2.3.1.1. Phương pháp tiếp cận

Công ước về quyền của người khuyết tật là một văn bản quy phạm pháp luật quốc tế đầu tiên của xã hội loài người khẳng định mọi tiếp cận của người khuyết tật đều dựa trên quyền với mục đích thúc đẩy, bảo vệ và bảo đảm cho người khuyết tật được hưởng thụ đầy đủ và công bằng tất cả các quyền con người và các quyền tự do đồng thời chú trọng đề cao phẩm giá vốn có của họ.

2.3.1.2. Phạm vi đối tượng

Người khuyết tật được quy định trong Công ước này bao gồm những người bị suy giảm về thể chất, thần kinh, trí tuệ hay giác quan trong một thời gian dài, có ảnh hưởng qua lại tới hàng loạt những rào cản có thể cản trở sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của người khuyết tật vào xã hội trên cơ sở bình đẳng với những người khác.

2.3.1.3. Các chính sách hỗ trợ

Công ước đề ra những chính sách nhằm hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập và tham gia đầy đủ trên mọi lĩnh vực của đời sống, cụ thể các quốc gia thành viên cam kết thực hiện các biện pháp phù hợp để đảm bảo người khuyết tật có thể tiếp cận với môi trường vật chất, giao thông,...

2.3.1.4. Phát triển phúc lợi và các dịch vụ cần thiết

Điều 28 của Công ước quy định về mức sống và bảo trợ xã hội đầy đủ.

2.3.1.5. Trách nhiệm của Nhà nước và các tổ chức

Điều 4 Công ước quy định các nghĩa vụ chung của các quốc gia thành viên.

2.3.1.6. Sự tham gia giám sát

Điều 33 quy định về vấn đề thực hiện và giám sát ở các quốc gia thành viên.

2.3.1.7. Các vấn đề được lựa chọn phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam

Hiện nay, Việt Nam có thể lựa chọn một số quy định để đưa vào dự thảo Luật người khuyết tật như: quan điểm tiếp cận dựa trên quyền con người, thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội và dịch vụ trợ giúp.

2.3.2. Kinh nghiệm từ pháp luật một số quốc gia

2.3.2.1 Luật cơ bản về người khuyết tật Nhật Bản

a) Phương pháp tiếp cận

Thể hiện thông qua việc xây dựng các nguyên tắc cơ bản, làm rõ trách nhiệm của Chính phủ và cơ quan địa phương, thiết lập các tiêu chuẩn toàn diện và vững chắc để hỗ trợ người tàn tật tham gia vào xã hội một cách độc lập.

b) Phạm vi đối tượng

Người khuyết tật theo Luật này là những cá nhân có cuộc sống xã hội hàng ngày bị hạn chế một cách cơ bản và sẽ tiếp tục bị hạn chế về mặt thể xác, tinh thần hoặc trí tuệ.

c) Phân dạng, phân hạng người khuyết tật

Chính phủ phải thiết lập một chương trình cơ bản quan tâm đến tiêu chuẩn cho người tàn tật để đưa ra tiêu chuẩn cụ thể và phù hợp nhất cho cuộc sống và hạn chế tàn tật cho người tàn tật

d) Các chính sách hỗ trợ, phát triển phúc lợi và các dịch vụ cần thiết

Chính phủ và cơ quan địa phương cần có biện pháp để tăng cường nghiên cứu nguyên nhân, đưa ra các biện pháp ngăn ngừa tàn tật. Thêm vào đó, Chính phủ và các cơ quan địa phương phải nỗ lực phòng ngừa và chữa trị những bệnh gây tàn tật, tăng cường nghiên cứu những bệnh gây tàn tật và có biện pháp cần thiết cụ thể đối với người tàn tật gặp khó khăn trong cuộc sống hàng ngày.

đ) Trách nhiệm của Nhà nước và tổ chức

Chính phủ và các cơ quan địa phương có trách nhiệm đối với cuộc sống của người tàn tật thông qua việc đưa ra các tiêu chuẩn để bảo vệ quyền của người tàn tật, chống phân biệt đối xử và hỗ trợ họ trong việc tham gia vào các hoạt động xã hội một cách độc lập.

e) Sự tham gia giám sát

Các thành viên của Ủy ban Trung ương được Thủ tướng chỉ định trong số những người tàn tật, những người làm công tác cải thiện đời sống của người tàn tật, các chuyên gia có kiến thức chuyên ngành trong lĩnh vực này.

g) Các vấn đề được lựa chọn phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam

Những chính sách quan trọng dành cho NKT có thể được lựa chọn để phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam như: Thành lập quỹ NKT, thiết bị thuận tiện cho NKT tiếp cận giao thông..

2.3.2.2 Luật về người khuyết tật của Malaysia

a) Phương pháp tiếp cận

Luật này được xây dựng trên cơ sở đảm bảo những người tàn tật Malaysia có các quyền bình đẳng trước pháp luật như các thành viên bình thường khác của cộng đồng; loại bỏ càng nhiều càng tốt các hiện tượng, hành vi phân biệt đối xử đối với những người tàn tật ở nhiều lĩnh vực khác nhau trong cuộc sống; Đảm bảo người tàn tật phải được hưởng các cơ hội bình đẳng, được tham gia đầy đủ nhằm giúp họ được sống với đầy đủ quyền công dân.

b) Phạm vi đối tượng

"Khuyết tật" là bất kỳ sự hạn chế hoặc thiếu khả năng thực hiện một hoạt động theo cách thức hoạt động bình thường của con người, mà nguyên nhân từ sự mất chức năng hay thiếu sót. "Mất chức năng hay thiếu sót" là bất kỳ sự mất mát hay dị thường về mặt tâm lý, sinh lý hay cấu trúc hoặc chức năng cơ thể.

c) Phân dạng, phân hạng người khuyết tật

Luật này quy định có các dạng khuyết tật sau: khiếm thị, khiếm thính, vừa khiếm thị vừa khiếm thính..

d) Các chính sách hỗ trợ, phát triển phúc lợi và các dịch vụ cần thiết

Các cơ quan chức năng phải xây dựng các chính sách và chương trình nhằm tạo môi trường xây dựng tiếp cận, và cung cấp các nguồn tiếp cận thông tin liên lạc cho những người tàn tật.

đ) Trách nhiệm của Nhà nước và tổ chức

Theo Luật này, một cơ quan độc lập được gọi là Ủy ban vì người tàn tật sẽ được thành lập nhằm cố vấn cho Bộ trưởng về vấn đề phân biệt đối xử với người tàn tật, nộp báo cáo cho Quốc hội về việc triển khai Luật, thực hiện các bước bảo vệ quyền và trang thiết bị cho người tàn tật, nâng cao nhận thức, hiểu và thực hiện Luật, tổ chức nghiên cứu và thực hiện các chương trình giáo dục về đối tượng của Luật này, chuẩn bị và xuất bản các hướng dẫn phù hợp về tránh phân biệt đối xử với người tàn tật.

e) Các vấn đề được lựa chọn phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam

Về khái niệm: các giải thích từ ngữ như: Khuyết tật, các cơ hội bình đẳng, mất chức năng hay thiếu sót, phục hồi chức năng, các cơ quan liên quan và giải thích về sự phân biệt đối xử.

Các vấn đề được lựa chọn phù hợp với Việt Nam là về phòng ngừa và phát hiện sớm tình trạng khuyết tật, giáo dục, việc làm, phục hồi chức năng.

2.3.2.3 Kinh nghiệm từ Luật bảo vệ người khuyết tật của Trung Quốc

a) Phương pháp tiếp cận

Luật này được xây dựng với mục đích bảo vệ quyền, lợi ích của người khuyết tật, đồng thời đảm bảo sự tham gia một cách đầy đủ và bình đẳng của người khuyết tật vào đời sống xã hội, chia sẻ vật chất và sự thịnh vượng về mặt văn hóa trong xã hội.

b) Phạm vi đối tượng

Người khuyết tật là người phải chịu sự không bình thường do mất một bộ phận hay chức năng về mặt tâm lý hay thể chất, hoặc trong cấu trúc cơ thể, mất toàn bộ hoặc một phần khả năng để thực hiện một hoạt động theo cách được coi là bình thường.

c) Phân dạng người khuyết tật

Thuật ngữ "người khuyết tật" chỉ những người bị khiếm khuyết về thị giác, thính giác, khả năng nói..hoặc các dạng tật khác.

d) Các chính sách hỗ trợ, phát triển phúc lợi và các dịch vụ cần thiết

Trung Quốc có các chính sách hỗ trợ, phát triển phúc lợi và các dịch vụ cần thiết trong các lĩnh vực.

đ) Trách nhiệm của Nhà nước và tổ chức

Nhà nước cần cung cấp trợ giúp đặc biệt đối với người khuyết tật bằng cách áp dụng thông qua các phương pháp và biện pháp hỗ trợ để xóa bỏ hoặc giảm thiểu ảnh hưởng của khuyết tật và những rào cản bên ngoài đồng thời đảm bảo quyền của người khuyết tật được bảo vệ.

2.3.2.4 Các Đạo luật về người khuyết tật của Mỹ

a) Phương pháp tiếp cận

Về người khuyết tật, Mỹ có tới 4 Luật khác nhau. Luật về giáo dục của người khuyết tật, gọi chung là Đạo luật về người khuyết tật, Đạo luật này được tiếp cận dựa trên quyền của người

khuyết tật. Đạo luật gồm 10 luật liên bang nghiêm cấm sự kỳ thị và xác lập các quyền của những người khuyết tật được sống một cuộc đời độc lập và đầy đủ nhân phẩm trong xã hội.

b) Phạm vi đối tượng

Theo định nghĩa của Đạo luật này, một cá nhân có khuyết tật là người bị suy yếu về thể xác hoặc tâm thần làm hạn chế đáng kể một hay nhiều hoạt động quan trọng trong đời sống.

c) Các chính sách hỗ trợ, phát triển phúc lợi và các dịch vụ cần thiết

Chính sách hỗ trợ, phát triển phúc lợi và các dịch vụ cần thiết đối với người khuyết tật, tàn tật được áp dụng trên các lĩnh vực.

đ) Trách nhiệm của Nhà nước và tổ chức

Chính phủ của các tiểu bang và địa phương có nhiệm vụ cung cấp cho những người khuyết tật cơ hội bình đẳng để được hưởng những lợi ích của mọi chương trình, dịch vụ và hoạt động của Chính phủ.

e) Các vấn đề được lựa chọn phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam

Các vấn đề được lựa chọn phù hợp với Việt Nam là về giáo dục và đào tạo nghề.

2.3.3 Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam

Về phương pháp tiếp cận: Trước hết phải dựa vào phương pháp tiếp cận dựa vào quyền và nhu cầu của người khuyết tật; tiếp đó là phương pháp tiếp cận liên ngành, phương pháp có sự tham gia, phương pháp tiếp cận học hỏi có chọn lọc kinh nghiệm tốt của các nước đi trước và kinh nghiệm sẵn có của nước ta.

Về đối tượng chính là người khuyết tật: Cần có sự chọn lọc kinh nghiệm của các nước khi đưa định nghĩa người khuyết tật để bảo đảm không bỏ sót bất cứ đối nào và trách có sự phân biệt đối xử ngay trong các định nghĩa hay thuật ngữ sử dụng.

Về trách nhiệm: Ngoài đối tượng chính là quyền và trách nhiệm của người khuyết tật cần có sự hài hòa giữa trách nhiệm của gia đình, cộng đồng xã hội và nhà nước.

Về nội dung: Cần bao phủ tất cả các vấn đề, các lĩnh vực liên quan đến người khuyết tật đáp ứng được mục tiêu "*hướng tới một xã hội hòa nhập, không rào cản và dựa trên quyền và nhu cầu của người khuyết tật*". Vì vậy, trong Luật về người khuyết tật của nước ta ngoài phần đầu mang tính chất quy định chung về đối tượng, phạm vi điều chỉnh, những vấn đề có tính nguyên tắc chung, cần phải thể hiện rõ ràng cụ thể những nội dung cơ bản, quan trọng.

- Về cách thức thể hiện văn bản Luật:

Đối với từng lĩnh vực cụ thể cần có các quy định, tiêu chí, tiêu chuẩn rõ ràng, phù hợp và xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cung cấp các dịch vụ xã hội cho người khuyết tật.

Chương 3

**ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP BẢO VỆ
VÀ ĐẢM BẢO QUYỀN CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT**

3.1. Quan điểm cơ bản về bảo vệ và bảo đảm quyền của người khuyết tật

3.1.1 Bảo vệ và bảo đảm quyền của người khuyết tật cần quán triệt và thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của nhà nước về người khuyết tật, đồng thời trên cơ sở nội dung của hệ thống luật pháp của nước ta về lĩnh vực người khuyết tật cần phù hợp với Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật và các điều ước quốc tế Việt Nam đã cam kết tham gia hoặc phê chuẩn có liên quan đến người khuyết tật.

3.1.2 Việc Bảo vệ và bảo đảm quyền của người khuyết tật nhằm cụ thể hóa cương lĩnh của Đảng, Hiến pháp của Nhà nước, từng bước đưa luật pháp điều chỉnh các quan hệ chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và các chính sách liên quan đến người khuyết tật, tạo môi trường pháp lý, điều kiện và cơ hội bình đẳng, không rào cản đối với người khuyết tật trong thực tiễn cuộc sống.

3.1.3 Bảo vệ và bảo đảm quyền của người khuyết tật phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội, với nhận thức chung của cả cộng đồng, khả năng tài chính cũng như các điều kiện về kinh tế, văn hóa xã hội của nhà nước ta.

3.1.4 Bảo vệ và bảo đảm quyền của người khuyết tật chính là đưa những căn cứ pháp lý cơ bản về quyền, nghĩa vụ của người khuyết tật và quy định chi tiết về các chế độ chính sách, điều kiện đảm bảo đặc biệt là xác định trách nhiệm của Nhà nước, gia đình và xã hội để người khuyết tật thực hiện các quyền cơ bản trong tiếp cận xã hội.

3.2. Bảo vệ và bảo đảm quyền của người khuyết tật trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam

Một trong những yêu cầu cơ bản trong xây dựng nhà nước pháp quyền hiện nay là mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tôn trọng quyền con người, quyền công dân và không ngừng hoàn thiện cơ chế bảo đảm con người, quyền công dân nói chung trong đó có quyền của người khuyết tật.

Bên cạnh đó, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Vì thế, trong các nghị quyết của mình, Đảng ta đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo để không ngừng phát huy vai trò của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thể hiện đầy đủ và ngày càng sâu sắc các yếu tố cơ bản cấu thành mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói trên.

3.3. Một số giải pháp về bảo vệ và bảo đảm quyền của người khuyết tật

3.3.1. *Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và nâng cao nhận thức của xã hội về quyền của người khuyết tật*

Cần tiếp tục đẩy mạnh công tác chỉ đạo đôn đốc các cơ quan, tổ chức Trung ương, cấp ủy đảng chính quyền địa phương quan tâm hơn nữa đến công tác người khuyết tật. Bản thân người khuyết tật cũng phải nhận thức đúng về quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của mình. Các gia đình có thành viên là người khuyết tật phải có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ để người khuyết tật được chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh..

Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cần được thực hiện đồng bộ, thường xuyên và phải là nhiệm vụ, trách nhiệm của tất cả các cơ quan, tổ chức.

3.3.2. *Xây dựng ý thức đạo đức, ý thức pháp luật trong việc bảo vệ và bảo đảm quyền của người khuyết tật*

Nâng cao ý thức đạo đức và ý thức pháp luật giúp con người hiểu rõ hơn quyền của người khuyết tật, từ đó đề xuất và đảm bảo thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Hiện nay, ngoài việc tuân thủ các quy định của pháp luật về việc không vi phạm những hành vi bị nghiêm cấm, nhiều hoạt động trợ giúp người khuyết tật đã và đang được thực hiện rất hiệu quả và thiết thực thông qua các hoạt động dạy nghề, tạo việc làm miễn phí cho người khuyết tật hay giúp đỡ người khuyết tật hòa nhập cộng đồng,...

3.3.3. *Hoàn thiện hệ thống pháp luật về người khuyết tật*

Để đảm bảo tốt nhất các quyền và trách nhiệm của người khuyết tật cần thiết phải nghiên cứu hoàn thiện hệ thống Luật pháp về lĩnh vực người khuyết tật theo hướng:

- Phải quán triệt, thể chế hóa, xác định chức năng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về người khuyết tật.

- Đảm bảo giữ tính ổn định những quy định còn phù hợp đồng thời điều chỉnh và hoàn thiện các quy định không còn phù hợp, bổ sung những vấn đề mới nảy sinh cần được điều chỉnh bằng pháp luật.

- Các quy định đảm bảo có tính khả thi và phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội, khả năng tài chính của nhà nước ta.

- Hệ thống các quy định danh riêng đối với người khuyết tật cần đảm bảo phù hợp với hệ thống pháp luật của Việt Nam và bảo đảm thực hiện cam kết quốc tế mà đặc biệt là Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật và các điều ước quốc tế Việt Nam đã cam kết tham gia hoặc phê chuẩn có liên quan đến người khuyết tật.

Đồng thời, trong thời gian tới phải đẩy nhanh việc thực hiện một số công việc sau:

Thứ nhất: Xây dựng và tổ chức thực hiện các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Người khuyết tật.

Thứ hai: Nghiên cứu và sớm trình các cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật, Công ước số 159 của ILO.

3.3.4. Đẩy mạnh phòng ngừa khuyết tật

Ngoài nguyên nhân khuyết tật do bẩm sinh di truyền, các nguyên nhân dẫn đến khuyết tật khác chúng ta đều có thể phòng tránh và hạn chế tối đa mức độ khuyết tật. Do vậy, cần xây dựng và triển khai việc phòng ngừa khuyết tật tại gia đình, nhà trường và cộng đồng xã hội thông qua các biện pháp: Tổ chức tuyên truyền, giáo dục việc phòng ngừa khuyết tật ở thai nhi và trẻ nhỏ cho phụ nữ ở lứa tuổi sinh sản..

3.3.5. Tăng cường cơ chế thực thi và giám sát, đánh giá việc thực hiện các quyền của người khuyết tật

Bên cạnh các giải pháp nêu trên, một trong những giải pháp không thể thiếu và phải đảm bảo thực hiện xuyên suốt để đảm bảo các quyền của người khuyết tật là tăng cường cơ chế thực thi và giám sát, đánh giá việc thực hiện các quyền của người khuyết tật.

KẾT LUẬN

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của dân, do dân và vì dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Điều đó có nghĩa rằng, việc bảo vệ và bảo đảm quyền của người khuyết tật trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội đối với người khuyết tật nói riêng, các tầng lớp dân cư khác nói chung là nhiệm vụ quan trọng trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước Việt Nam.

Người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn. Bộ phận dân cư chiếm một tỷ lệ không nhỏ và tham gia vào tất cả các lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội. Họ có thể là nông dân, công nhân và có cả những trí thức. Bên cạnh sự nỗ lực vươn lên của bản thân, những người này luôn cần được sự trợ giúp của gia đình, nhà nước và xã hội.

Hiện nay, Việt Nam đã thành lập được Liên hiệp hội người khuyết tật đã được thành lập, thực hiện đoàn kết, thống nhất người khuyết tật trên phạm vi cả nước để thúc đẩy thực hiện tốt hơn nữa việc bảo vệ và bảo đảm quyền của người khuyết tật. Đất nước ta đang trong tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, với mục tiêu tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ xã hội và công bằng xã hội, chính vì lẽ đó, việc chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khuyết tật là yêu cầu quan trọng. Hơn lúc nào hết cần phải tổ chức tốt hoạt động thực hiện pháp luật về người khuyết tật với hệ thống pháp luật đồng bộ, không rào cản đối với người khuyết tật nói riêng và hoạt động thực hiện hệ thống pháp luật nói chung.

Những giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện pháp luật về người khuyết tật hướng đến việc xác định trách nhiệm từ phía nhà nước cũng như vai trò của các tổ chức xã hội, đó là những chủ thể quan trọng trong quá trình thực hiện pháp luật về người khuyết tật.

Để bảo vệ và bảo đảm quyền của người khuyết tật trước hết cần nâng cao nhận thức của toàn xã hội về người khuyết tật. Phải nhận thức được họ là nhóm người yếu thế trong xã hội, khuyết tật là không ai mong muốn và có nhiều nguyên nhân dẫn tới tình trạng bị khiếm khuyết bộ phận cơ thể hoặc suy giảm chức năng nào đó và họ cần được bình đẳng trong quá trình hội nhập đời sống cộng đồng xã hội.

Điều kiện về bảo đảm quyền của người khuyết tật trong đó có sự phối hợp, kết hợp giữa các ngành trong triển khai có ý nghĩa quan trọng đối với hiệu quả thực hiện pháp luật. Trong nội dung này thì trách nhiệm của chính quyền địa phương có ý nghĩa là tác động trực tiếp tới quyền và những chính sách bảo trợ xã hội thường xuyên của người khuyết tật.

Để thực hiện tốt việc bảo vệ và bảo đảm quyền của người khuyết tật đòi hỏi nhà nước cần từng bước xây dựng chính sách bảo trợ xã hội đối với toàn dân trong đó đặc biệt quan tâm tới những nhóm dân cư yếu thế trong đó có người khuyết tật đồng thời mở rộng và phát triển và tạo lập nhiều hệ thống và hình thức bảo trợ xã hội cho những người gặp khó khăn trong hòa nhập đời sống cộng đồng xã hội trong đó có người khuyết tật.

References

- 1 Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (2000), *Thông tư số 63/2000/TT-BTCCBCP* ngày 05/6 hướng dẫn việc hỗ trợ và tạo điều kiện để nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội người mù Việt Nam, Hà Nội.
- 2 Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ (2002), *Thông tư số 17/2002/TT- BTCCBCP* ngày 01/4 hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp phục vụ đối với nhân viên được giao nhiệm vụ thường xuyên, trực tiếp chăm sóc người tàn tật trong các cơ sở nuôi dưỡng tập trung của Nhà nước, Hà Nội.
- 3 Bộ Giao thông vận tải (2006), *Chỉ thị số 023/2006/CT-BGTVT* ngày 02/3 về việc tăng cường thực hiện chính sách trợ giúp người tàn tật trong ngành giao thông vận tải, Hà Nội.
- 4 Bộ Giao thông vận tải (2005), *Quyết định số 08/2005/QĐ-BGTVT* ngày 10/01 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải ban hành quy định về bến xe ô tô khách, Hà Nội.
- 5 Bộ Giao thông vận tải (2005), *Quyết định số 09/2005/QĐ-BGTVT* ngày 10/01 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành qui định về vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định và vận tải khách bằng ô tô theo hợp đồng, Hà Nội.
- 6 Bộ Giao thông vận tải (2006), *Quyết định số 34/2006/QĐ-BGTVT* ngày 16/10 ban hành quy định về quản lý vận tải khách công cộng bằng xe buýt, Hà Nội.
- 7 Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2000), *Thông tư số 13/2000/LĐTBXH* ngày 12/5 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 55/1999/NĐ ngày 10/5/1999 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh về người tàn tật, Hà Nội.
- 8 Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2005), *Thông tư số 33/2005/TT-BLĐTBXH* ngày 09/12 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 147/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ quy định mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng, Hà Nội.
- 9 Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2007), *Thông tư số 09/2007/TT-BLĐTBXH* ngày 13/7 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng Bảo trợ xã hội, Hà Nội.

- 10 Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2007), *Thông tư số 26/2008/TT-BLĐTBXH ngày 10/11 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 09/2007/TT-BLĐTBXH ngày 13/7/2007 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng Bảo trợ xã hội*, Hà Nội.
- 11 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), *Kết quả khảo sát người khuyết tật năm 2008*, Hà Nội.
- 12 Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2009), *Thông tư số 07/2009/TT-BLĐTBXH ngày 30/5 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở Bảo trợ xã hội*, Hà Nội.
- 13 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2010), *Báo cáo tổng kết Đề án trợ giúp người tàn tật giai đoạn 2006-2010*, Hà Nội.
- 14 Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Bộ Y tế - Bộ Tài chính (2004), *Thông tư liên tịch số 14/2004/TTLT/BLĐTBXH-BYT-BTC hướng dẫn thực hiện chế độ đối với người tham gia kháng chiến và con đẻ của họ bị hậu quả do nhiễm chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam*, Hà Nội.
- 15 Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (1999), *Thông tư số 13/1999/TT-LB-LĐTB&XH-BTC-BKHĐT ngày 10/5 hướng dẫn cho vay quỹ Quốc gia hỗ trợ việc làm và lập quỹ giải quyết việc làm địa phương*, Hà Nội.
- 16 Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2005), *Thông tư số 19/2005/TT-LT/BLĐTBXH-BTC-BKHĐT ngày 19/5 hướng dẫn thi hành Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 và Nghị định 116/2004/NĐ-CP ngày 23/ 4/2004 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về lao động là người tàn tật*, Hà Nội.
- 17 Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Thông tư liên tịch số 22/2005/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BGD&ĐT ngày 10/8 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2005/QĐ-TTg ngày 24/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở*, Hà Nội.
- 18 Bộ Tài chính (1996), *Thông tư số 23/TC/TCT ngày 26/4 hướng dẫn thủ tục miễn thuế đối với cơ sở sản xuất kinh doanh dành riêng cho lao động là người tàn tật*, Hà Nội.

- 19 Bộ Tài chính (2008), *Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân*, Hà Nội.
- 20 Bộ Tài chính (2008), *Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp*, Hà Nội.
- 21 Bộ Tài chính (2009), *Thông tư số 62/2009/TT-BTC ngày 27/3 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân*, Hà Nội.
- 22 Bộ Tài chính - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2006), *Thông tư liên tịch số 08/2006/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 23/01 hướng dẫn Quyết định số 65/2005/QĐ-TTg ngày 25/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án ô Chăm sóc trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em tàn tật nặng, trẻ em là nạn nhân của chất độc hóa học và trẻ em nhiễm HIV/AIDS dựa vào cộng đồng giai đoạn 2005-2010*, Hà Nội.
- 23 Bộ Tư pháp (2003), *Các đạo luật về người khuyết tật của Mỹ (Luật phục hồi chức năng của người khuyết tật năm 1973; Luật về người khuyết tật năm 1990, Luật về việc làm của người khuyết tật, Luật về giáo dục của người khuyết tật)*, (Tài liệu dịch tham khảo), Hà Nội.
- 24 Bộ Tư pháp (2005), *Luật cơ bản về người khuyết tật của Nhật Bản*, (Tài liệu dịch tham khảo), Hà Nội.
- 25 Bộ Tư pháp (2005), *Luật về người khuyết tật của Malaysia*, (Tài liệu dịch tham khảo), Hà Nội.
- 26 Bộ Tư pháp (2008), *Luật bảo vệ người khuyết tật của Trung Quốc*, (Tài liệu dịch tham khảo), Hà Nội.
- 27 Bộ Y tế (1999), *Thông tư số 10/1999/TT-BYT hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của bệnh viện điều dưỡng và phục hồi chức năng thuộc (Bộ Y tế) Bộ ngành quản lý*, Hà Nội.

- 28 Bộ Y tế (2002), *Quyết định số 102/2002/QĐ-BYT về việc ban hành danh mục các dịch vụ kỹ thuật Phục hồi chức năng và bệnh, nhóm bệnh điều trị tại các cơ sở khám chữa bệnh, bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng*, Hà Nội.
- 29 Bộ Y tế (2002), *Quyết định số 177/2002/QĐ-BYT về việc ban hành khung giá dịch vụ kỹ thuật Phục hồi chức năng và điều trị của các bệnh, nhóm bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh, bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng*, Hà Nội.
- 30 Chính phủ (1999), *Nghị định số 55/1999/NĐ-CP ngày 10/7 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh về người tàn tật*, Hà Nội.
- 31 Chính phủ (2000), *Quyết định số 26/2000/QĐ-TTg ngày 23/2 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với người tham gia kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam*, Hà Nội.
- 32 Chính phủ (2000), *Nghị định số 07/2000/NĐ-CP ngày 09/3 về chính sách cứu trợ xã hội*, Hà Nội.
- 33 Chính phủ (2001), *Quyết định số 201/2001/QĐ-TTg ngày 28/12 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển giáo dục 2001-2010*, Hà Nội.
- 34 Chính phủ (2004), *Quyết định số 16/2004/QĐ-TTg ngày 05/02 của Thủ tướng Chính phủ về việc trợ giúp đối với hộ gia đình có từ 02 người trở lên không tự phục vụ được do bị hậu quả chất độc hóa học của Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam*, Hà Nội.
- 35 Chính phủ (2004), *Nghị định số 116/2004/NĐ-CP ngày 23/4 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về lao động là người tàn tật*, Hà Nội.
- 36 Chính phủ (2004), *Quyết định số 67/2004/QĐ-TTg ngày 27/4 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch hành động giai đoạn 2004 - 2010 khắc phục hậu quả chất độc hóa học của Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam*, Hà Nội.
- 37 Chính phủ (2004), *Quyết định số 120/2004/QĐ-TTg ngày 05/7 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với người tham gia kháng chiến và con đẻ của họ bị hậu quả do nhiễm chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam*, Hà Nội.
- 38 Chính phủ (2004), *Nghị định số 168/2004/NĐ-CP ngày 20/9 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2000/NĐ-CP ngày 09/3/2000 về chính sách cứu trợ xã hội*, Hà Nội.

- 39 Chính phủ (2005), *Nghị định số 147/2005/NĐ-CP ngày 30/11 quy định về mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng*, Hà Nội.
- 40 Chính phủ (2006), *Chỉ thị số 01/2006/CT-TTg về việc đẩy mạnh thực hiện các chính sách trợ giúp người tàn tật trong tình hình phát triển kinh tế và xã hội hiện nay*, Hà Nội.
- 41 Chính phủ (2006), *Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5 về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập*, Hà Nội.
- 42 Chính phủ (2006), *Nghị định số 54/2006/NĐ-CP ngày 26/5 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Người có công với cách mạng*, Hà Nội.
- 43 Chính phủ (2006), *Báo cáo số 81/BC-CP ngày 26/5 về việc 7 năm triển khai thực hiện Pháp lệnh về người tàn tật*, Hà Nội.
- 44 Chính phủ (2007), *Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4 về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội*, Hà Nội.
- 45 Chính phủ (2007), *Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục thể thao*, Hà Nội.
- 46 Chính phủ (2007), *Nghị định số 120/2007/NĐ-CP ngày 23/7 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh niên*, Hà Nội.
- 47 Chính phủ (2008), *Nghị định số 43/2008/NĐ-CP ngày 08/4 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều 62 và Điều 72 của Luật Dạy nghề*, Hà Nội.
- 48 Chính phủ (2008), *Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5 quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở Bảo trợ xã hội*, Hà Nội.
- 49 Chính phủ (2008), *Nghị định 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9 quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân*, Hà Nội.
- 50 Chính phủ (2008), *Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp*, Hà Nội.
- 51 Chính phủ (2006), *Quyết định số 239/2006/QĐ-TTg ngày 24/10 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án trợ giúp người tàn tật giai đoạn 2006-2010*, Hà Nội.
- 52 Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

- 53 Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- 54 Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 55 Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 56 Liên hợp quốc (1945), *Hiến chương Liên hợp quốc*.
- 57 Liên hợp quốc (1967), *Công ước 128 về trợ cấp tàn tật, tuổi già và tiền tuất*.
- 58 Liên hợp quốc (1975), *Tuyên ngôn về quyền của người tàn tật*.
- 59 Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 60 Quốc hội (1946), *Hiến pháp*, Hà Nội.
- 61 Quốc hội (1959), *Hiến pháp*, Hà Nội.
- 62 Quốc hội (1980), *Hiến pháp*, Hà Nội.
- 63 Quốc hội (1989), *Luật Bảo vệ sức khỏe nhân*, Hà Nội..
- 64 Quốc hội (1992), *Hiến pháp*, Hà Nội.
- 65 Quốc hội (1994), *Bộ luật Lao động*, Hà Nội.
- 66 Quốc hội (2001), *Hiến pháp (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
- 67 Quốc hội (2001), *Luật Tổ chức Chính phủ*, Hà Nội.
- 68 Quốc hội (2002), *Bộ luật Lao động (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
- 69 Quốc hội (2004), *Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em*, Hà Nội.
- 70 Quốc hội (2005), *Luật Giáo dục*, Hà Nội.
- 71 Quốc hội (2005), *Luật Thanh niên*, Hà Nội.
- 72 Quốc hội (2006), *Luật Dạy nghề*, Hà Nội.
- 73 Quốc hội (2006), *Luật Công nghệ thông tin*, Hà Nội.
- 74 Quốc hội (2006), *Luật Trợ giúp pháp lý*, Hà Nội.
- 75 Quốc hội (2007), *Luật Thuế thu nhập cá nhân*, Hà Nội.

- 76 Quốc hội (2008), *Luật Giao thông đường bộ*, Hà Nội.
- 77 Quốc hội (2008), *Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp*, Hà Nội.
- 78 Quốc hội (2008), *Nghị quyết số 18/2008/NQ-QH ngày 03/6 về đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật xã hội hóa để nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân*, Hà Nội.
- 79 Quốc hội (2009), *Luật Người cao tuổi*, Hà Nội.
- 80 Quốc hội (2010), *Luật Người khuyết tật*, Hà Nội.
- 81 *Quốc triều Hình luật (Luật hình triều Lê - Luật Hồng Đức)* (2003), Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh
- 82 Tổ chức Lao động Quốc tế (1983), *Công ước số 159 về phục hồi chức năng nghề nghiệp và việc làm cho người khuyết tật*.
- 83 Tổng cục Thuế (2000), *Công văn số 4892/2000/TC-TCT về việc giảm thuế giá trị gia tăng cho cơ sở sản xuất kinh doanh dành riêng cho người tàn tật*, Hà Nội.
- 84 Ủy ban thường vụ Quốc hội (1998), *Pháp lệnh Người tàn tật*, Hà Nội.
- 85 Ủy ban thường vụ Quốc hội (1994), *Pháp lệnh ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng*, Hà Nội.
- 86 Ủy ban thường vụ Quốc hội (2000), *Pháp lệnh về sửa đổi Điều 21 của Pháp lệnh ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng*, Hà Nội.
- 87 Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2002), *Pháp lệnh về sửa đổi Điều 22 và Điều 23 của Pháp lệnh ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng*, Hà Nội.
- 88 Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2005), *Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng*, Hà Nội.